

**CHỦ ĐỀ: TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM
SAU NĂM 1945
(tiếp theo)**

**VĂN BẢN 3: “CHIẾC LƯỢC NGÀ” - NGUYỄN QUANG SÁNG
(HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC)**

- Học sinh đọc các nội dung ở SGK từ trang 195 đến trang 203

- Hoàn thiện các phiếu học tập sau:

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM	
	1. Tác giả : 2. Tác phẩm : a. Hoàn cảnh sáng tác : b. Ngôi kể : c. PTBD : d. Tình huống truyện : e. Ý nghĩa nhan đề :
1. Nhân vật bé Thu	a) Trước khi nhận ra anh Sáu là cha : → b) Khi nhận ra cha: →

2. Nhân vật ông Sáu	a) Những ngày ở nhà : → b) Những ngày ở chiến khu : →
-----------------------------------	---

VĂN BẢN 4: “ĐÁ TRỎ BÔNG” - NGUYỄN NGỌC TU

(HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC)

- Học sinh đọc văn bản truyện ngắn “Đá trở bông” tại :

https://isach.info/story.php?story=da_tro_bong_nguyen_ngoc_tu

- Thực hiện các câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Nhân vật chính của truyện ngắn “Đá trở bông”

- A. Khờ
- B. Người mẹ đơn thân
- C. Hàng xóm tốt bụng
- D. Những dãy núi đá

2. Không gian chính của truyện

- A. Vùng sông nước miền Tây
- B. Vùng núi đá xanh
- C. Vùng đồng bằng
- D. Vùng duyên hải

3. Thời gian truyện

- A. Xoay quanh vòng cuộc sống của nhân vật Khờ
- B. Thời gian vô cực
- C. Thời gian ngắn ngủi mỗi ngày
- D. Thời gian xoay vòng không đếm được

4. Nét nổi bật trong suy nghĩ của nhân vật Khờ

- A. Niềm tin vào số mệnh
- B. Sự hoán cải nội tâm
- C. Niềm tin vào việc đá trở bông mẹ đón về
- D. Niềm tin vào sự giải thoát

5. Công việc chính của Khờ

- A. Ca hát
- B. Giúp đỡ mọi người
- C. Gánh nước
- D. Leo núi .

6. Nội dung chính của truyện

- A. Cuộc đời của một con người dưới niềm tin ngây ngô: đá trở bông mẹ đón về
- B. Đời sống của người dân miền Tây nghèo khổ
- C. Cuộc đời đứa trẻ bị đập vùi
- D. Hạnh phúc từ những điều giản đơn trong cuộc sống

7. Lý do tác giả đặt tên nhân vật chính là Khờ

- A. Ý nói anh ta không thông minh
- B. Bởi vì trong thân xác thằng con trai sắp ba mươi, là một trí khôn của trẻ con năm bảy tuổi
- C. Anh ta không có cha mẹ
- D. Anh ta bị gọi chế giễu

8. Trong tương quan với mọi người xung quanh, Khờ biểu hiện là một người thế nào?

- A. Khờ chưa bao giờ làm họ tiếc vì đã nuôi dưỡng mình
- B. Nhờ chi thằng nhỏ cũng làm và nặng nhọc cỡ nào cũng không than vãn
- C. Anh ta không muốn ai thay đổi niềm tin của mình tất cả
- D. Tất cả ý trên

9. Cấu trúc mở đầu và kết thúc truyện

- A. Xoay quanh không gian núi đá là nhân vật chính
- B. Cấu trúc đóng khung vòng tròn
- C. Cấu trúc đảo ngược thời gian
- D. Sự thay đổi không gian con người

10. Sự kiện nào trong truyện ngăn khẳg định niềm tin đá trở bông không thay đổi .

- A. Khờ mất tích
- B. Khờ bị sét đánh
- C. Khờ trả lời mọi người
- D. Khờ bỏ núi đá ra đi

11. Điều gì mọi người cảm nhận được từ sự hiện diện của Khờ

- A. Cảm giác âm áp, chắc nịch, nhất là nhân vật ấy mang trong mình một câu chuyện mùi lòng
- B. Anh ta bất hạnh
- C. Anh ta có sự nỗ lực vượt qua khó khăn
- D. Anh ta tạo cho mọi người sự nghi ngờ sợ hãi về số phận

12. Hình ảnh nào mang tính biểu tượng trong truyện

- A. Núi đá
- B. Gánh nước
- C. Đá trở bông
- D. Sét đánh

13. Truyện được kể ở ngôi nào?

- A. Ngôi 1
- B. Ngôi 2
- C. Ngôi 3
- D. Ngôi 1 và ngôi 3

14. Điều gì là mâu thuẫn trong suy nghĩ của nhân vật chính

- A. Niềm tin vào điều không thể có
- B. Niềm hy vọng nhỏ bé giữa cuộc sống bấp bênh

- C. Nỗi sợ hãi và mạnh dạn trước biến cố
- D. Khả năng yêu thương và nổi thù hận quá khứ

15. Thông điệp của truyện?

- A. Hạnh phúc đến trong đau khổ
- B. Giá trị của niềm tin trong cuộc sống
- C. Tình thương mạnh hơn tất cả
- D. Sự dẫn dắt ám ảnh của quá khứ tội lỗi

16. Vấn đề toàn cầu nào được thể hiện trong tác phẩm này?

- A. Thời gian môi trường sống tác động đến suy nghĩ hành động của con người
- B. Xung đột tôn giáo với nhu cầu cá nhân
- C. Công bằng xã hội trong phát triển
- D. Xung đột con người và tự nhiên

17. Chuyện cho thấy nét nào trong phong cách truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Tư

- A. Giọng kể mềm mại mà sâu cay về những cuộc đời éo le, những số phận chìm nổi
- B. Giọng văn châm biếm phơi bày thực tế cuộc sống
- C. Giọng văn chất chứa niềm tin hy vọng vào sự thay đổi số phận
- D. Giọng văn hào hùng ẩn chứa niềm tin chiến thắng khổ đau

III. TÌM HIỂU CÁC HÌNH THỨC ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

- Học sinh đọc các nội dung ở SGK từ trang 176,177,178,179

- Hoàn thiện các phiếu học tập sau:

a. Ví dụ a <i>Có người hỏi :</i> <i>- Sao bảo làng Chợ Dầu</i> <i>tinh thần lắm cơ mà ?...</i> <i>- Ấy thế mà bây giờ đổ</i> <i>đổ ra thế đấy !</i> <u>Dấu hiệu :</u> + Hình thức : + Nội dung : → Kết luận :	b. Ví dụ b <i>“ – Hà, nắng gắt, về</i> <i>nào...”</i> <u>Dấu hiệu :</u> + Hình thức : + Nội dung (nói với ai): → Kết luận : Câu cùng kiểu trong đoạn là :	c. Ví dụ c <i>“Chúng nó cũng là trẻ con</i> <i>làng Việt gian đấy ư ?</i> <i>Chúng nó cũng bị người ta</i> <i>rẻ rúng hắt hủi đấy ư ? Khốn</i> <i>nạn...đầu”</i> <u>Dấu hiệu :</u> + Hình thức :(có giống với ví dụ trước không ?) + Nội dung (nói với ai) → Kết luận :
--	--	--

IV. LUYỆN NÓI: TỰ SỰ KẾT HỢP VỚI NGHỊ LUẬN VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM

Đề: Đóng vai nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” – Kim Lân để kể lại diễn biến tâm trạng của ông khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

(Bài làm kết hợp các yếu tố: đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm, nghị luận và miêu tả nội tâm)

Gợi ý:

MB:(Mở đầu câu chuyện)

- Giới thiệu: Tôi là nông dân, quê ở làng Chợ Dầu, mọi người gọi tôi là ông Hai.
- Dẫn dắt vào câu chuyện: sự việc khởi đầu : ông Hai từ phòng thông tin trở về và gặp mấy người tản cư dưới xuôi lên, nghe họ bàn tán về chuyện làng Chợ Dầu việt gian theo Tây.

TB: (Diễn biến)

1.Lúc nghe những người tản cư thông tin làng Chợ Dầu việt gian theo Tây:

- Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, giọng lạc hẳn đi.
- Cúi gằm mặt, đánh trống lảng đi về.
 - > Bàng hoàng, xấu hổ, tủi nhục.
 - kết hợp đối thoại

2. Khi về nhà:

- Nằm vật ra giường, nước mắt giàn giụa
- Nắm chặt tay, rít lên
 - > Đau đớn, phẫn nộ
 - kết hợp độc thoại
- Lặng người, tưởng không thở được, chân tay nhũn ra
 - > Tâm trạng ám ảnh, nặng nề

3. Những ngày sau đó : không dám đi đâu

4. Khi bị chủ nhà2 có ý định đuổi gia đình ông đi

- Hay là quay về làng
- Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù
- Xung đột nội tâm gay gắt: + yêu làng - thù làng
 - + về làng - không về

-> Dằn vặt, khổ tâm, bế tắc và tuyệt vọng

→kết hợp độc thoại nội tâm, miêu tả nội tâm

5.Khi trò chuyện với đứa con út?

- Ông Hai ôm khít thằng bé vào lòng, nước mắt giàn ra, chảy ròng ròng, ủng hộ cụ HCM

→kết hợp đối thoại

-> Tình yêu sâu nặng đối với làng quê, tình cảm son sắt, thủy chung với kháng chiến, với cách mạng, với cụ Hồ

KB: suy nghĩ về quê hương, đất nước sau khi đã đưa ra lựa chọn dứt khoát.

Tình yêu sâu nặng đối với làng quê, tình cảm son sắt, thủy chung với kháng chiến, với cách mạng, với cụ Hồ.

→kết hợp nghị luận

DẶN DÒ :

Tuần 13 các em sẽ ôn tập lại tất cả các nội dung đã học, thực hiện việc rèn luyện giải bài tập đọc hiểu các văn bản nhật dụng, văn bản văn học.

TOÁN 9
CHƯƠNG II: HÀM SỐ BẬC NHẤT
CHỦ ĐỀ 5: HỆ SỐ GỐC CỦA ĐƯỜNG THẲNG $y = ax + b$

Luyện tập

Bài 29/59

a/ $y = ax + b$

Ta có : $y = 2x + b$

$\Leftrightarrow 0 = 2 \cdot 1,5 + b$

$\Leftrightarrow b = -3$

Vậy $y = 2x - 3$

b/ $y = ax + b$

Ta có : $y = 3x + b$

$\Leftrightarrow 2 = 3 \cdot 2 + b$

$\Leftrightarrow b = -4$

Vậy $y = 3x - 4$

c/ Ta có : $y = \sqrt{3}x + b$

$\Leftrightarrow \sqrt{3} + 5 = \sqrt{3} \cdot 1 + b$

$\Leftrightarrow b = 5$

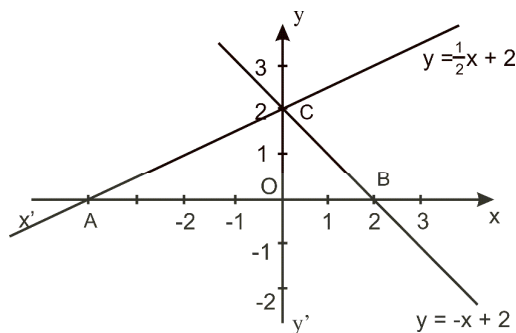
Vậy $y = \sqrt{3}x + 5$

Bài 30/59

a/

x	0	$-$
$y = \frac{1}{2}x + 2$	2	0

x	0	2
$y = -x + 2$	2	0



b/ $A(-4 ; 0), B(2 ; 0), C(0 ; 2)$

$\text{tg}A = \frac{OC}{OA} = \frac{2}{4} = \frac{1}{2} \Rightarrow \hat{A} \approx 27^\circ$

$\text{tg}B = \frac{OC}{OB} = \frac{2}{2} = 1 \Rightarrow \hat{B} \approx 45^\circ$

$\Rightarrow \hat{C} = 180^\circ - (\hat{A} + \hat{B}) \approx 180^\circ - (27^\circ + 45^\circ) = 108^\circ$

c/ $AC = \sqrt{OA^2 + OC^2} = \sqrt{4^2 + 2^2} = \sqrt{20}$ (cm)

$BC = \sqrt{OB^2 + OC^2} = \sqrt{2^2 + 2^2} = \sqrt{8}$ (cm)

$AB = OA + OB = 4 + 2 = 6$ (cm)

$\Rightarrow \text{Chi vi}_{ABC} = AB + BC + AC = 6 + \sqrt{8} + \sqrt{20} \approx 13,3$ (cm)

$S_{ABC} = \frac{AB \cdot OC}{2} = \frac{6 \cdot 2}{2} = 6$ (cm²)

TOÁN 9
CHƯƠNG 2 – ĐƯỜNG TRÒN
CHỦ ĐỀ 7: ĐƯỜNG THẲNG VÀ ĐƯỜNG TRÒN

LUYỆN TẬP :

1. VỊ TRÍ TƯƠNG ĐỐI CỦA ĐƯỜNG THẲNG VÀ ĐƯỜNG TRÒN:

3/ Cho (O, R) , từ điểm A nằm ngoài (O) vẽ tiếp tuyến AB (B là tiếp điểm) và dây cung BC vuông góc OA tại H. Chứng minh: AC là tiếp tuyến của (O) .

Giải: Cách 1:

Ta có: $\triangle OBC$ cân tại O ($OB = OC = R$)

$\Rightarrow OH$ là đường cao ($OH \perp BC$) đồng thời là đường phân giác của $\widehat{BOC}$

$\Rightarrow \widehat{BOA} = \widehat{COA}$

Xét $\triangle ABO$ và $\triangle ACO$ có:

$$\begin{cases} OB = OC (= R) \\ OA \text{ là cạnh chung} \\ \widehat{BOA} = \widehat{COA} (\text{cmt}) \end{cases}$$

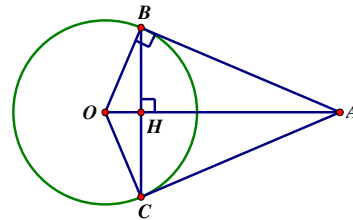
$\Rightarrow \triangle ABO = \triangle ACO$ (c - g - c)

$\Rightarrow \widehat{ABO} = \widehat{ACO}$ (hai góc tương ứng)

Ta có: $\widehat{ABO} = 90^\circ$ (AB là tiếp tuyến (O)) $\Rightarrow \widehat{ACO} = 90^\circ$

$\Rightarrow AC \perp OC$ tại $C \in (O)$

$\Rightarrow AC$ là tiếp tuyến của (O)



Cách 2:

Ta có: $\triangle OBC$ cân tại O ($OB = OC = R$)

$\Rightarrow OH$ là đường cao ($OH \perp BC$) đồng thời là đường trung trực của BC.

$\Rightarrow OA$ là đường trung trực của BC.

$\Rightarrow B, C$ đối xứng nhau qua OA.

$\Rightarrow \widehat{OBA} = \widehat{OCA}$ (Tính chất đối xứng)

Ta có: $\widehat{ABO} = 90^\circ$ (AB là tiếp tuyến (O)) $\Rightarrow \widehat{ACO} = 90^\circ$

$\Rightarrow AC \perp OC$ tại $C \in (O)$

$\Rightarrow AC$ là tiếp tuyến của (O)

4/ Cho đường tròn (O) và 1 điểm S nằm ngoài đường tròn. Vẽ tiếp tuyến SA với đường tròn (O) (A là tiếp điểm). Vẽ $AH \perp OS$ tại H. Gọi I là giao điểm của đoạn OS với đường tròn (O) .

a/ Chứng minh : $\widehat{SAI} = \widehat{IAH}$, suy ra AI là tia phân giác của $\widehat{SAH}$

b/ Gọi J là giao điểm thứ hai của đường thẳng SO với đường tròn (O) . Cm: AJ là phân giác góc ngoài tại đỉnh A của $\triangle SAH$.

c/ Cm: $JH \cdot IS = JS \cdot IH$

Giải:

a/ Ta có: $\triangle OAI$ cân tại O ($OA = OI = \text{bán kính } (O)$) $\Rightarrow \widehat{OAI} = \widehat{OIA}$

Ta có $SA \perp OA$ (SA là tiếp tuyến của đường tròn (O))

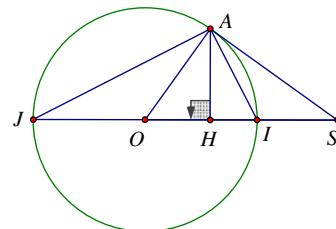
$\Rightarrow \widehat{OAI} + \widehat{SAI} = 90^\circ$

Lại có : $\begin{cases} \widehat{OIA} + \widehat{IAH} = 90^\circ (\triangle AHI \text{ vuông tại H}) \\ \widehat{OAI} = \widehat{OIA} (\text{cmt}) \end{cases}$

$\Rightarrow \widehat{SAI} = \widehat{IAH} \Rightarrow AI$ là tia phân giác của $\widehat{SAH}$.

b/ Ta có $\begin{cases} AI \text{ là tia phân giác của } \widehat{SAH} (\text{cmt}) \\ AI \perp AJ (\triangle OAI \text{ nội tiếp đường tròn đường kính IJ}) \end{cases}$

$\Rightarrow AJ$ là phân giác góc ngoài tại đỉnh A của $\triangle SAH$.



c/ Xét ΔSAH có : AI là tia phân giác trong và AJ là phân giác ngoài

$$\Rightarrow \frac{AS}{AH} = \frac{IS}{IH} = \frac{JS}{JH} \Rightarrow JH \cdot IS = JS \cdot IH$$

TUẦN 12. TIẾNG ANH 9

UNIT 4: LEARNING A NEW LANGUAGE

NỘI DUNG BÀI HỌC

I. SOME COMMON PREPOSITIONS

1. **In** dormitory : trong ký túc xá
2. **In** the newspaper : trên báo
3. **On** the radio : trên đài
4. **On** TV : trên Tivi
5. Aspect **of** : về mặt
6. Listen **to** : nghe
7. **On** Campus : trong sân trường đại học
8. **At** first : trước tiên
9. Disappointed **with** : thất vọng
10. Look forward **to** + V-ing : mong đợi
11. Close **to** : gần
12. Well – qualified **for** : có chuyên môn về

WORDFORMS – UNIT 4

No	NOUN (n)	ADJECTIVE (Adj)	VERB (v)	ADVERB (Adv)
1	- action: hành động - activity: hoạt động - activist: nhà hoạt động - activation: sự kích hoạt - deactivation: sự vô hiệu hóa	- active: năng động - inactive: thụ động	- act: hành động - activate: kích hoạt - deactivate: vô hiệu hóa	- actively: một cách năng động - inactively: một cách thụ động
2	advance: sự tiến bộ	advanced: cao cấp		
3	advertising: việc quảng cáo	advertising: việc quảng cáo	advertisement: mẫu quảng cáo	
4	- agreement: sự đồng ý - disagreement: sự ko đồng ý	agreeable: có thể chấp nhận	- agree: đồng ý - disagree: ko đồng ý	agreeably: có thể chấp nhận được
5	- attendance: sự tham dự - attention: sự chú ý - attendant: người phục vụ	- attendant: tham dự, có mặt	attend: tham dự	
6	- ability: khả năng - inability: sự thiếu khả năng	- able: có khả năng - unable: ko có khả năng	- enable: cho phép - disable: không cho phép	
7	admiration: sự ngưỡng mộ	admirable: đáng ngưỡng mộ	admire: ngưỡng mộ	admirably: đáng ngưỡng mộ
8	- beginner: người bắt đầu - beginning: phần đầu		begin: bắt đầu	
9	- centre/ center: trung tâm	Central: thuộc về trung tâm		centrally
10	- editor: biên tập viên - edition: lần xuất bản	editorial: (thuộc) biên tập viên	edit: biên tập	editorially: với tư cách là chủ biên
11	exactness: tính chính xác	exact: chính xác	exact: yêu cầu, đòi hỏi, ép	exactly: một cách chính xác
12	examination: bài kiểm tra examiner: giám khảo		examine: kiểm tra	

	examinee: thí sinh			
13	detail: chi tiết	detailed: cặn kẽ, tỉ mỉ	detail: tả chi tiết	
14	foreigner: người nước ngoài	foreign: thuộc nước ngoài		
15	fluency: sự trôi chảy	fluent: trôi chảy		fluently: một cách trôi chảy
16	fortune: vận may	- fortunate: may mắn - unfortunate: không may mắn		- fortunately: một cách may mắn - unfortunately: một cách không may mắn
17	improvement: sự cải thiện		improve: cải thiện, trau dồi	
18	- information: thông tin - informer: chỉ điểm, mật thám - informant: người đưa tin	- informative: cung cấp nhiều thông tin - uninformative: không cung cấp nhiều thông tin	inform: thông báo	informatively: nhiều thông tin - uninformatively: không nhiều thông tin
19	- institute: học viện - institution: cơ quan, trụ sở			
20	politeness: sự lịch sự	- polite: lịch sự - impolite: bất lịch sự		- politely: một cách lịch sự - impolitely: một cách thiếu lịch sự
21	qualification: trình độ chuyên môn	well-qualified: có trình độ	qualify: có đủ khả năng	
22	reputation: danh tiếng	reputable: có danh tiếng	repute: cho là	reputably: một cách có danh tiếng
23	- speaker: người nói - speech: bài phát biểu, diễn văn	spoken: bài kiểm tra nói	speak: nói, phát biểu	
24	suitability: sự thích hợp	suitable: thích hợp	Suit: thích hợp với	suitably: một cách thích hợp
25	usefulness: sự hữu dụng	useful: hữu dụng useless: vô dụng	use: sử dụng	usefully: một cách hữu dụng uselessly: một cách vô dụng
26	wonder: sự kỳ diệu	wonderful: tuyệt vời		wonderfully: tuyệt vời

❖ WORDFORMS

- It's hard to learn a _____ language.
- Have you finished your _____?
- I want to _____ an English course.
- Don't _____, Paola. Everything will be all right.
- Do you _____ any other languages?
- The _____ asked her a lot of questions.
- I'm trying to _____ my friends to attend my school.
- The school has excellent _____.
- You can _____ Western culture in the USA.
- I'm sorry to say that I _____ with you about it.
- My grandmother has a _____ problem.
- What _____ did the examiner ask Lan?
- I want to _____ my English skill.

(foreigner)
(examine)
(attendance)
(worried)
(speech)
(examine)
(persuasive)
(reputable)
(experienced)
(agree)
(hear)
(exact)
(improvement)

14. English is an interesting and _____ language. (use)
15. I think the oral exam is easier than the _____ exam. (write)
16. Which language _____ do you choose? (central)
17. Our school offers _____ classes for those new to English. (begin)
18. The teachers of our school are very friendly and _____. (qualify)
19. There were only three of us on the _____ course. (advance)
20. Mr. Lam is looking at some _____ in the daily newspaper. (advertise)
21. Does he know much about Vietnamese _____? (cultural)
22. He wants to choose a _____ school for him. (suitably)
23. It's _____ to be in an oral exam. (terribly)
24. I would like some _____ about your school. (inform)
25. I can complete a _____ Vietnamese test if necessary. (speak)
26. A letter of inquiry should be ended _____. (polite)
27. Did you pass the _____ examination? (orally)
28. I'm having a _____ time here. (wonder)
29. _____, Mrs Thu has a hearing problem. (fortunate)
30. I don't think I will be _____ to pass the exams. (ability)
31. My _____ skill is also terrible. (write)
32. I am ready to supply more information if _____. (need)
33. I saw your school's advertisement in today's _____ of the Vietnam's News. (edit)
34. She runs very _____ into her house. (fast)
35. I wish my sister Lan could swim _____. (good)
36. The restaurant has the _____ for serving some of the finest food. (repute)
37. Joon Ki works for a _____ bank in HCM city. (nation)
38. Giang Than's listening is _____. (excellence)
39. Duong Duong is _____ in learning German. (interest)
40. Do you often check your _____ before traveling abroad? (arrange)
41. He has explained that matter _____. (collect)
42. The _____ countries have developed their economy. (develop)
43. School has _____ the students with musical instruments. (equip)
44. They bought a lot of electrical _____ for workshop. (equip)
45. Reading in bed is his good _____. (habitual)
46. We often take part in many _____ activities at school. (culture)
47. Please phone this number for more _____. (inform)
48. He is an _____ of this newspaper. (edition)
49. The Saigon Giai Phong is a _____ newspaper. (day)
50. He is very _____ in taking care of animals. (experience)

I. Choose the word whose underlined part pronounced differently from that of the others:

- | | | | |
|----------------------------|----------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. A. pass <u>e</u> d | B. watch <u>e</u> d | C. learn <u>e</u> d | D. wash <u>e</u> d |
| 2. A. need <u>e</u> d | B. wash <u>e</u> d | C. work <u>e</u> d | D. stop <u>e</u> d |
| 3. A. talk <u>s</u> | B. tak <u>e</u> s | C. decid <u>e</u> s | D. complet <u>e</u> s |
| 4. A. month <u>s</u> | B. book <u>s</u> | C. pen <u>s</u> | D. shirt <u>s</u> |
| 5. A. schol <u>a</u> rship | B. mechan <u>i</u> c | C. technol <u>o</u> gy | D. champi <u>o</u> nship |
| 6. A. determin <u>e</u> | B. examin <u>e</u> | C. valentin <u>e</u> | D. heroin <u>e</u> |
| 7. A. effect <u>i</u> ve | B. ethn <u>i</u> c | C. enthusia <u>s</u> tic | D. environm <u>e</u> nt |
| 8. A. ex <u>h</u> austed | B. h <u>o</u> ur | C. h <u>i</u> gh | D. h <u>o</u> nor |
| 9. A. pr <u>o</u> ud | B. n <u>o</u> un | C. f <u>o</u> und | D. w <u>o</u> uld |
| 10. A. attent <u>i</u> on | B. quest <u>i</u> on | C. populat <u>i</u> on | D. educat <u>i</u> on |
| 11. A. arr <u>a</u> nge | B. am <u>a</u> mount | C. ar <u>a</u> | D. arriv <u>e</u> |

II. Choose the word whose main stress pattern is not the same as that of the others:

- | | | | |
|----------------------|----------------|------------------|-----------------|
| 1. A. sightseeing | B. encourage | C. location | D. deposit |
| 2. A. teenager | B. minimum | C. attraction | D. humorous |
| 3. A. tunic | B. success | C. severe | D. unique |
| 4. A. disappointment | B. reputation | C. material | D. inspiration |
| 5. A. excited | B. interested | C. confident | D. logical |
| 6. A. encourage | B. decorate | C. pagoda | D. embroider |
| 7. A. refreshment | B. horrible | C. exciting | D. intention |
| 8. A. knowledge | B. sleeveless | C. unique | D. campus |
| 9. A. Islam | B. ethnic | C. admire | D. exam |
| 10. A. university | B. documentary | C. qualification | D. intermediate |

III. Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence:

1. Helen's parents were very pleased when they read her school _____.
A. report B. papers C. diploma D. account
2. In Britain, children start _____ school at the age of five.
A. kindergarten B. secondary C. nursery D. primary
3. It's difficult to _____ attention in a noisy classroom.
A. have B. give C. pay D. get
4. They have many _____ teachers in their school.
A. good-qualified B. well-qualified C. good-qualifying D. well-qualifying
5. Is physical education _____ in your school?
A. traditional B. additional C. national D. compulsory
6. I can complete a _____ English test if you want.
A. speak B. spoke C. spoken D. speaking
7. We believe that with our solidarity we can _____ this difficulty.
A. overdo B. overcome C. overtake D. over go
8. She has a good _____ as a well-qualified teacher of English.
A. famous B. voice C. state D. reputation
9. Before you begin the exam paper, always read the _____ carefully.
A. orders B. rules C. instruction D. answers
10. If you want to pass the examination, you must study _____.
A. hardly B. enough C. rather D. thoroughly
11. My brother wants to _____ an advanced course in computer science.
A. participate B. come C. attend D. take part
12. You need to _____ your literature.
A. improve B. do well C. increase D. go up
13. How many _____ are there in "foreigner"?
A. words B. letters C. phrases D. clauses
14. Don't _____ her to agree with your purpose. It's no use.
A. do B. make C. persuade D. let
15. He asked me how many students _____ in my class.
A. was there B. are there C. there were D. there are
16. The examiner asked him how he _____ English in the future.
A. will use B. used C. uses D. would use
17. We won't go out _____ it stops raining.
A. if not B. unless C. when D. if
18. Don't hesitate _____ for help if you don't understand the rules here.
A. ask B. to ask C. asking D. asked
19. How can we remember all these vocabulary items? – Well, _____.
A. read them in mind B. study them in heart C. tell them by heart D. learn them by heart
20. Can you tell me the _____ date of the coming entrance exam?
A. good B. correct C. same D. ready

IV. Look at the signs. Choose the best answer (A, B, C or D) for each sign:

1. "For further assistance call 805"

A. for more space call 805
B. for more time call 508
C. to go further call 805
D. for more help call 805

2. "Vehicles parked at owners risk"

A. be careful when driving alone
B. we are not responsible for your car
C. do not drive in the park
D. be careful how you park

V. Read the following passage. Decide if the statements from 1 to 4 are True or False and choose the correct answer (A, B, C or D) for the questions 5 and 6:

Today, millions of people want to learn or improve their English but it is difficult to find the best method. Is it better to study in Britain or America or to study in your own country?

The advantages of going to Britain seem obvious. Firstly, you will be able to listen to the language all the time you are in the country. You will be surrounded completely by the language wherever you go. Another advantage is that you have to speak the language if you are with other people. In Italy, it is always possible, in the class, to speak Italian if you want to and the learning is slower.

On the other hand, there are also advantages to staying at home to study. You don't have to make big changes to your life. As well as this, it is also a lot cheaper than going to Britain but it is never possible to achieve the results of living in the UK. If you have a good teacher in Italy, I think you can learn in a more concentrated way than being in Britain without going to a school.

So, in conclusion, I think that if you have enough time and enough money, the best choice is to spend some time in the UK. This is simply not possible for most people, so being here in Italy is the only viable option. The most important thing to do in this situation is to maximize your opportunities: to speak only English in class and to try to use English whenever possible outside the class.

1. People who don't have enough time and money should go to Italy to learn English. _____
2. You have more chances to practice English in Britain. _____
3. Britain is a good place to learn English. _____
4. You can spend much more money when learning in your country than in Britain _____
5. What is the article about?
A. How many people learn English.
B. The best way to learn English
C. English schools in England and America
D. How to live in Britain.
6. What is one of the advantages of going to the UK to learn English?
A. The language schools are better.
B. There are no Italians in Britain.
C. You will have to speak English and not your language.
D. You can have good teachers.

VI. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage:

Education is more important today than ever before. It helps people acquire the skills they need for such everyday (1) _____ as reading a newspaper or managing their money. It also gives them the specialized training they may need to (2) _____ for a job or career. For example, a person must meet certain educational requirements and obtain a diploma or certificate before he can practice law or medicine. Many fields, like computer operation or police work, (3) _____ satisfactory completion of special training courses.

Education is also important (4) _____ it helps people get more out of life. It increases their knowledge and understanding of the world. It helps them acquire the skills that make life more interesting and enjoyable, (5) _____ the skills needed to participate in a sport, paint a picture, or play a musical instrument. Such education becomes (6) _____ important as people gain more and more leisure time.

- | | | | |
|-----------------|-----------------|--------------|-----------------|
| 1. A. works | B. jobs | C. actions | D. activities |
| 2. A. do | B. prepare | C. make | D. work |
| 3. A. requires | B. requiring | C. require | D. to require |
| 4. A. therefore | B. despite | C. although | D. because |
| 5. A. such as | B. for instance | C. such that | D. for example |
| 6. A. increased | B. increasing | C. increase | D. increasingly |

VII. Use the correct form of the word given in each sentence:

1. They are _____ young parents and need support. (experience)
2. The candidates need to _____ the job application form. (completion)
3. The fire _____ destroyed all the buildings at the center of the city. (complete)
4. That company has a worldwide _____ for quality. (repute)

5. Nam found this film _____ so he turned off the TV and went to bed. (interest)
6. How many _____ take the examination? (examine)
7. What questions does the _____ ask you? (examine)
8. The doctor is _____ a patient now. (examine)
9. There are two _____ - one at the front and one round the back. (enter)
10. I have great _____ for her as a writer. (admire)
11. He said that it was _____ that led him to make the mistake. (tired)
12. She's such a good teacher, her lessons are really _____. (enjoy)
13. Making a film is a _____ work, not individual work. (collect)
14. Her dedication to her work was _____. (admire)
15. She had a very _____ manner. (relax)
16. Yoga is one of my favorite _____. (relax)
17. We watched the _____ struggle of our team to win back the cup. (hero)
18. King Quang Trung was one of our great _____. (hero)
19. The _____ 's decision is final. (edit)
20. _____ decisions are generally made by senior editors. (edit)

VIII. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences:

1. to him / encouragement / The teacher's / words / were a great / . /
The teacher's _____
2. are necessary for / and doing grammar exercises / language learners / Both studying vocabulary / in
mastering a new language / . /
Both studying vocabulary _____
3. from modern technologies / It is very / a foreign language / and well-qualified teachers / useful to learn / . /
It is very _____
4. on campus / Nowadays, / living in a dormitory / most of students / are fond of / . /
Nowadays, _____
5. in this area / We hoped / would know / this advertisement / that a large number of learners / our
school through / . /
We hoped _____
6. I believed that / Unlike my sister, / was very useful / mastering a foreign language / . /
Unlike my sister, _____
7. to make a plan right now / to pass an International Examination / If you want / you have / like
IELTS / . /
If you want _____
8. to her / the Seattle School / neither contacted phone / She said that / nor sent any emails, / . /
She said that _____
9. for beginner / provides various places / or intermediate students / Our school / at all levels / . /
Our school _____
10. Paola hopes / around the world / she can communicate / through learning English / with people
from / . /
Paola hopes _____

IX. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it:

1. Don't leave the lights all night or you'll waste electricity.
If _____
2. Don't be impatient or you'll fail the driving test.
If _____
3. Take time or you won't get any opportunity in life.
If _____
4. Recycle and we will save natural resources.
If _____
5. You'll avoid waiting by booking a table in advance.
If _____
6. You can improve your English by practicing speaking English every day.
If you _____
7. Bad driving causes serious accidents.
If you _____

8. Unless you phone me tonight, you won't get any information.
If _____
9. Go right now or you'll be late for the meeting.
Unless _____
10. We can't have lunch in the garden if the weather isn't nice.
Unless _____
11. "My house is next to yours," he said to me.
He told me _____
12. "Where are you going?" he asked her.
He asked her where _____
13. "Which way do you want to go?" he asked.
He asked _____
14. "I am taking you to the airport tomorrow evening."
My uncle told _____
15. "Don't try to open it now," she said to us.
She told _____
16. "Is it going to be a fine day today?" I asked her.
I asked her _____
17. "Is the bus station far away from here?" the girl asked.
The girl wanted to know _____
18. "Please let me borrow your car," he said to her.
He asked _____
19. "Jean, have you seen my gloves?" Thomas asked.
Thomas asked Jean _____
20. "I'll have a cup of tea with you," she said.
She said that _____

BÀI 22 : TÁC DỤNG TỪ CỦA DÒNG ĐIỆN – TỪ TRƯỜNG

I/ Lực từ (HS tự đọc)

II/ Từ trường

- Không gian xung quanh nam châm, xung quanh dòng điện tồn tại một từ trường. Nam châm hoặc dòng điện đều có khả năng tác dụng lực từ lên kim nam châm đặt gần nó.
- Người ta dùng kim nam châm (nam châm thử) để nhận biết từ trường.

III/ Vận dụng

C4/62: Đặt kim nam châm lại gần dây dẫn AB. Nếu kim nam châm lệch khỏi hướng Nam

- Bắc thì dây dẫn AB có dòng điện chạy qua.

C5/62: Thí nghiệm đặt kim nam châm ở trạng thái tự do, khi đã đứng yên, kim nam châm luôn chỉ hướng Nam – Bắc. Xoay kim nam châm một góc xoay nào đó, khi cân bằng, nam châm lại trở về theo hướng Nam – Bắc địa lí. Chứng tỏ rằng xung quanh Trái Đất có từ trường.

C6/62: Xung quanh kim nam châm có từ trường khác từ trường trái đất.

BÀI 23: TỪ PHỔ - ĐƯỜNG SỨC TỪ

I/ Từ phổ

1/ Thí nghiệm

C1/63: Các mạt sắt xung quanh nam châm được sắp xếp thành những đường cong nối từ cực này sang cực kia của nam châm. Càng ra xa nam châm, các đường này càng thưa dần.

2/ Kết luận

Hình ảnh của các đường mạt sắt được sắp xếp thành những đường cong xác định nằm xung quanh nam châm được gọi là từ phổ của nam châm. Dựa vào từ phổ, ta có thể biết được hình ảnh trực quan về từ trường mà ta đang xét. Nơi nào mạt sắt dày thì từ trường mạnh, nơi nào mạt sắt thưa thì từ trường yếu.

II/ Đường sức từ

1/ Vẽ và xác định chiều của đường sức từ

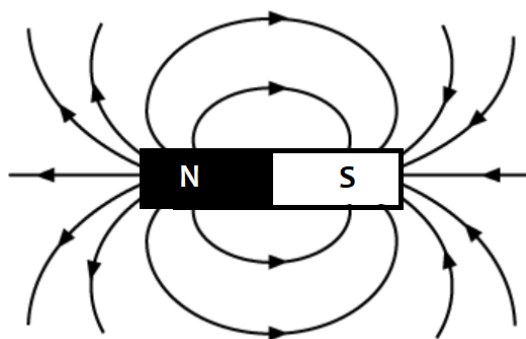
C2/63: Kim nam châm định hướng theo một chiều nhất định trên mỗi đường sức từ.

C3/64: Đường sức từ có chiều đi **vào** cực **Nam** và đi **ra** từ cực **Bắc** của thanh nam châm.

2/ Kết luận

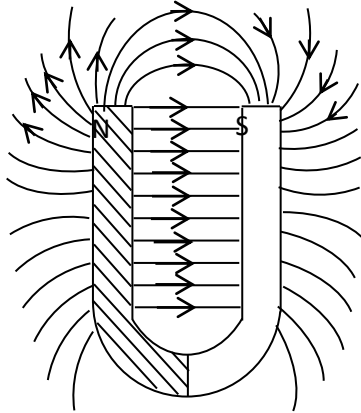
– Đường sức từ là những đường biểu diễn hình dạng của từ trường.

– Các đường sức từ có chiều nhất định. Ở bên ngoài thanh nam châm, chúng là những đường cong đi ra từ cực Bắc, đi vào cực Nam của nam châm.



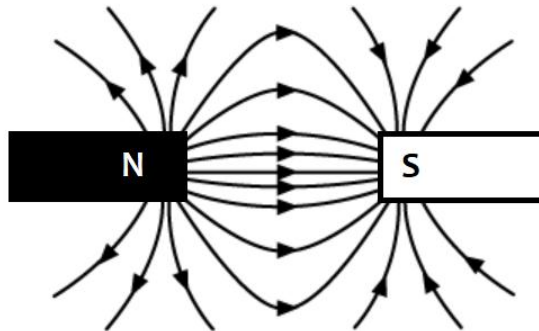
III/ Vận dụng

C4/64: Các đường sức từ ở khoảng giữa hai từ cực của nam châm hình chữ U gần như song song với nhau.



C5/64: Đầu A là cực Bắc, đầu B là cực Nam của thanh nam châm vì đường sức từ có chiều đi ra từ cực Bắc và đi vào cực Nam của thanh nam châm.

C6/64: Các đường sức từ có chiều đi từ cực Bắc của nam châm bên trái sang cực Nam của nam châm bên phải.



NỘI DUNG GHI BÀI SINH HỌC 9 - TUẦN 12

CHƯƠNG IV: BIẾN DỊ

BÀI 21: ĐỘT BIẾN GEN

I. Đột biến gen là gì?

- Đột biến gen là những biến đổi trong cấu trúc của gen thường liên quan đến một hoặc một số cặp Nu, điển hình là các dạng: mất, thêm, thay thế một cặp Nu.
- Đột biến gen là biến dị di truyền.

II. Nguyên nhân phát sinh đột biến gen

Do ảnh hưởng phức tạp của môi trường trong và ngoài cơ thể tới phân tử ADN, xuất hiện trong điều kiện tự nhiên hoặc do con người gây ra.

III. Vai trò của đột biến gen

- Các đột biến gen biểu hiện ra kiểu hình thường là có hại cho bản thân sinh vật vì chúng phá vỡ sự thống nhất hài hoà trong kiểu gen, gây ra những rối loạn trong quá trình tổng hợp prôtêin.
- Đột biến gen là nguồn nguyên liệu cho quá trình tiến hóa và chọn giống.

CHỦ ĐỀ: ĐỘT BIẾN (Tiết 1)

I. Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể là gì?

Là những biến đổi trong cấu trúc NST, gồm các dạng: mất đoạn, lặp đoạn, đảo đoạn, chuyển đoạn.

II. Nguyên nhân phát sinh của đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể

Tác nhân lí hoá trong ngoại cảnh là nguyên nhân chủ yếu gây đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể.

III. Vai trò của đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể

Đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể làm thay đổi số lượng và cách sắp xếp gen trên NST nên thường gây hại cho sinh vật.

Một số đột biến cấu trúc NST có lợi, có ý nghĩa trong tiến hoá và chọn giống.

---HẾT---

HÓA 9 - TUẦN 12

CHƯƠNG II. KIM LOẠI

I. TÍNH CHẤT VẬT LÝ

- Kim loại có tính chất vật lý :
.....

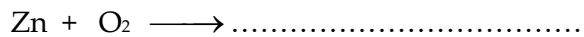
II. Dãy hoạt động hóa học của kim loại

III. TÍNH CHẤT HÓA HỌC

1. Tác dụng với oxi



PTHH:



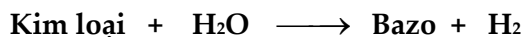
2. Tác dụng với phi kim khác (H_2 , Cl_2 , Br_2 , S ,...)



PTHH:



3. Tác dụng với nước

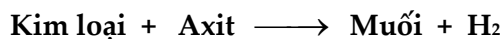


**Chú ý: Chỉ có một số kim loại tác dụng với nước*

PTHH:

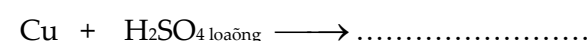
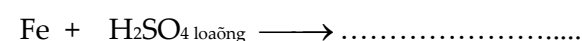
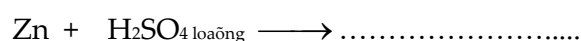
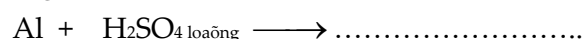
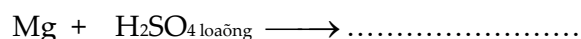


4. Tác dụng với axit



**Chú ý: Các kim loại đứng trước H trong dãy hoạt động hóa học mới tác dụng với dd HCl hoặc H₂SO₄ loãng*

PTHH:

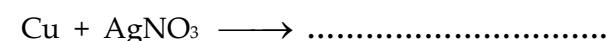
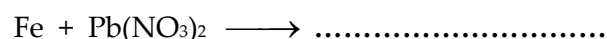
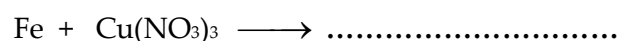
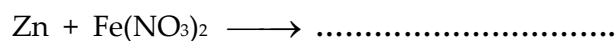


Tác dụng với dung dịch muối



** Điều kiện phản ứng:*

PTHH:



MỘT SỐ CHÚ Ý

1. Al, Zn tác dụng với dung dịch kiềm ở nhiệt độ thường nên dung dịch kiềm (NaOH, KOH, Ba(OH)₂, Ca(OH)₂) được sử dụng để nhận biết Al hoặc Zn với các kim loại khác.

2. Al, Fe bị thụ động (không tác dụng) với dung dịch

3. Điều chế Nhôm trong công nghiệp

- Phương pháp:

- PTHH:

IV. HỢP KIM SẮT: GANG, THÉP

1. Thành phần

- Gang:

- Thép:

2. Nguyên tắc sản xuất

- Nguyên tắc sản xuất gang:

- Nguyên tắc sản xuất thép:

V. ĂN MÒN KIM LOẠI

1. Định nghĩa

- Ăn mòn kim loại là

2. Nguyên nhân:

3. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự ăn mòn kim loại

4. Cách chống ăn mòn kim loại

LỊCH SỬ 9 - TUẦN 12

TUẦN 12 TỪ NGÀY 22/11 – 27/11/2021

BÀI 10. CÁC NƯỚC TÂY ÂU (1 tiết)

I. Tình hình chung

- Bị thiệt hại nặng nề, các nước đều là con nợ của Mỹ.
- Mỹ viện trợ cho các nước để hồi phục và phát triển kinh tế -> lệ thuộc vào Mỹ.
- Phát triển nhanh chóng về kinh tế.
- Cộng hòa liên bang Đức có tiềm lực kinh tế mạnh nhất châu Âu, sau Mỹ, Nhật.

II. Sự liên kết khu vực

1. Nguyên nhân

- Có chung nền văn minh.
- Kinh tế không cách biệt.
- Có mối quan hệ thân thiết.
- Muốn thoát khỏi sự lệ thuộc vào Mỹ.
- > Cần liên kết khu vực.

2. Quá trình liên kết khu vực Tây Âu

- 4/1951 cộng đồng than, thép châu Âu ra đời
- 3/1957 cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.
- 25/3/1957 cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC)
- 7/1967 ba cộng đồng trên sát nhập thành cộng đồng châu Âu (EC)
- 12/1991 đổi thành liên minh châu Âu.



ĐỊA LÍ 9 - TUẦN 12

ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ GIỚI HẠN LÃNH THỔ:

- Vùng Đồng bằng sông Hồng gồm đồng bằng châu thổ sông Hồng, dải đất rìa trung du và vịnh Bắc Bộ. Vùng có diện tích nhỏ nhất nước (14.806 km²), gồm 10 tỉnh thành.
- Có thủ đô Hà Nội là đầu mối giao thông, trung tâm kinh tế khoa học công nghệ.
- Vị trí nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, thuận lợi giao lưu kinh tế xã hội với các vùng.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN:

1- Đặc điểm:

- * Địa hình: đồng bằng châu thổ rộng thứ hai cả nước. Đất phù sa màu mỡ (chiếm 70% diện tích đất nông nghiệp)
- * Khí hậu: Nhiệt đới có mùa đông lạnh, nguồn nước tưới dồi dào.
- * Vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng, khoáng sản giá trị: Đá vôi, sét cao lanh, khí tự nhiên, than nâu.

2- Thuận lợi:

- * Đất phù sa màu mỡ và khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh thuận lợi trồng lúa nước, thâm canh tăng vụ trồng cây ưa lạnh.
- * Vùng biển vịnh Bắc Bộ phát triển du lịch biển, khai thác, nuôi trồng thủy sản và cảng biển.

3- Khó khăn:

- * Thời tiết thất thường, thiên tai bão, lũ lụt, chất lượng môi trường giảm sút.

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ XÃ HỘI: Tự học

IV. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

1- Công nghiệp:

- * Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kỳ công nghiệp hóa.
- * Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh, năm 2002 chiếm 21% GDP công nghiệp cả nước (năm 2007 là 23%)
- * Tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng nhanh trong cơ cấu GDP của vùng.
- * Các ngành công nghiệp trọng điểm: công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng.
- * Sản phẩm công nghiệp quan trọng: máy công cụ, động cơ điện, phương tiện giao thông, thiết bị điện tử, hàng tiêu dùng . . .

2- Nông nghiệp:

- * *Trồng trọt:* Đứng thứ hai cả nước về diện tích, sản lượng lương thực. Năng suất lúa cao nhất nước nhờ trình độ thâm canh cao, cơ sở hạ tầng hoàn thiện. Vụ đông với nhiều cây ưa lạnh đã trở thành vụ sản xuất chính ở một số địa phương.
- * *Chăn nuôi:* Lợn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cả nước, nuôi bò sữa, nuôi trồng thủy sản, gia cầm đang được chú ý phát triển.

3- Dịch vụ:

- * Giao thông phát triển sôi động, tạo điều kiện phát triển du lịch.
- * Hà Nội, Hải Phòng là hai đầu mối giao thông quan trọng, hai trung tâm du lịch lớn.
- * Bưu chính viễn thông phát triển mạnh.

IV. CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM:

- * Hai trung tâm kinh tế lớn nhất là Hà Nội, Hải Phòng.
- * Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế cả hai vùng: Đồng bằng sông Hồng, Trung du - miền núi Bắc Bộ.

BÀI GHI LỚP 9 MÔN GDCD

Tuần 12 (22/11 -27/11)

BÀI 7: KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG TỐT ĐẸP CỦA DÂN TỘC (tiết 1)

I. Đặt vấn đề: (HS tự tìm hiểu theo các câu hỏi sau)

- Truyền thống yêu nước của dân tộc ta thể hiện như thế nào qua lời nói của Bác Hồ?
- Em nhận xét gì về cách cư xử của học trò Chu Văn An đối với thầy giáo cũ? Cách cư xử đó thể hiện truyền thống gì của dân tộc ta?
- Em hãy kể những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta mà em biết?

II. Nội dung bài học:

1. Khái niệm:

Truyền thống tốt đẹp của dân tộc là những giá trị tinh thần (những tư tưởng, tính cách, lối sống, cách ứng xử tốt đẹp...) hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

❖ Một số truyền thống tốt đẹp:

Yêu nước, bất khuất chống giặc ngoại xâm, đoàn kết nhân nghĩa...

Về văn hóa: các tập quán, cách ứng xử...

Về nghệ thuật: Tuồng, chèo, các làn điệu dân ca...

2. Ý nghĩa:

Truyền thống tốt đẹp là vô cùng quý giá, góp phần phát triển dân tộc và mỗi cá nhân.

Việc thừa kế và phát huy là góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc Việt Nam.

III. Luyện tập

Ở Việt Nam chúng ta, hầu như nhà nào cũng có bàn thờ tổ tiên, con cháu thắp hương cúng giỗ phụng thờ. Ở mỗi làng xã thường có đình - nơi thờ người có công lập ra làng xã (Thành hoàng) ; có nhà thờ các tộc họ ; có đền miếu - nơi thờ những người có công với đất nước (hoặc địa phương), ngoài ra, còn là nơi thờ người có công lập nên các nghề

truyền thống. Ngày mùng mười tháng ba âm lịch hằng năm, nhân dân cả nước lại đến dâng hương Vua Hùng, tổ tiên chung của người Việt Nam ở đền Hùng (Phú Thọ).

Hướng dẫn giải: Em hiểu thế nào là truyền thống thờ cúng tổ tiên, nhớ ơn tổ tiên của người Việt Nam chúng ta qua nội dung nêu trên. Em liên hệ cho biết việc thờ cúng tổ tiên, tổ làng nghề, các đền miếu thờ người có công với địa phương hoặc với đất nước hiện có ở địa phương em đang sinh sống.

IV. Dặn dò

- Xem lại nội dung bài học và chuẩn bị bài theo dặn dò của GV

CÔNG NGHỆ 9 - TUẦN 12

Bài 6:

THỰC HÀNH LẮP MẠCH ĐIỆN BẢNG ĐIỆN

Các em xem clip: 1. <https://www.youtube.com/watch?v=zKWQlldBkU4>

I. Dụng cụ, vật liệu và thiết bị:

- Dụng cụ:
- Vật liệu:
- Thiết bị:

II. Nội dung và trình tự thực hành:

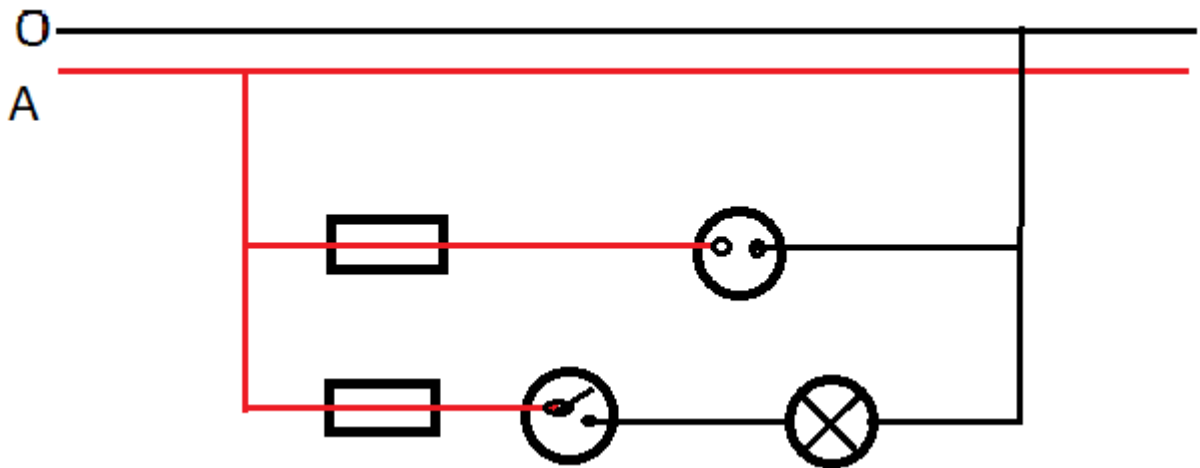
1. Tìm hiểu chức năng của bảng điện

- Hình 6-1 SGK.
- Bảng điện chính có chức năng cung cấp toàn bộ hệ thống điện của mạng điện trong nhà.
- Bảng điện nhánh có nhiệm vụ cung cấp điện cho điện cho đồ dùng điện mà sử dụng tại đó (vd: quạt điện, ti vi...)

2. Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện.

a. Sơ đồ nguyên lý:

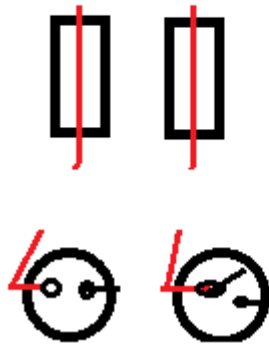
- Sơ đồ hình 6-2.



b. Vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện.

- Vẽ đường dây nguồn
- Xác định vị trí để bảng điện, bóng đèn.
- Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện
- Vẽ đường dây dẫn điện theo sơ đồ nguyên lý.

O _____
A _____



3. Lắp đặt mạch điện bảng điện. Các em hoàn thiện quy trình lắp mạch điện bảng điện sau:



* Bước1: Vạch dấu.

-
-

* Bước2: Khoan lỗ bảng điện

-
-

* Bước3: Nối dây thiết bị điện của bảng điện.

-
-
-

* Bước4: Lắp thiết bị vào bảng điện

-
-

* Bước5: Kiểm tra.

-
-

Thang điểm chấm thực hành

- | | |
|----------------------------------|----|
| - Đúng sơ đồ mạch | 2đ |
| - Hoạt động đúng yêu cầu | 2đ |
| - An toàn lao động | 2đ |
| - Chuẩn bị và tổ chức thực hành. | 2đ |
| - Thái độ học tập | 2đ |

- Về nhà học bài, hoàn thiện bài học. **“Thực hành: LẮP MẠCH ĐIỆN BẢNG ĐIỆN”**.

MĨ THUẬT 9 tuần 12

Chủ đề: Một số nét tiêu biểu của mỹ thuật Châu Á

Sơ lược về một số nền mỹ thuật của một số nước Châu Á

I. Vài nét khái quát (học sinh tự đọc, tự học)

II. Vài nét về Mỹ thuật một số nước Châu Á.

1. Mỹ thuật Ấn Độ:

- Nền văn minh cổ đại Ấn Độ đã phát triển rực rỡ từ lâu trước Công nguyên.
- Là một quốc gia có nhiều tôn giáo song chủ yếu là Ấn Độ giáo (đạo Hin – đu).
- Có nhiều công trình kiến trúc tôn giáo (đền thờ, lăng tẩm, ...) nổi tiếng. Ví dụ : đền thờ Thần Mặt Trời, Thần Si – va, lăng Tat Ma – ha.



Lăng Tat Ma – ha (Ấn Độ)



Kiến trúc của Khajuraho

2. Mỹ thuật Trung Quốc

a. Kiến trúc

3. Mỹ thuật Nhật Bản

a. Kiến trúc.

4. Các công trình kiến trúc của Lào và Cam-pu-chia

- Thạt Luồng (Lào) : xây dựng 1566, công trình kiến trúc Phật giáo. Tháp Thạt Luồng là kiến trúc chính, trung tâm tháp là một khối lớn vươn cao, xung quanh là các tháp nhỏ. Toàn bộ khối trung tâm đều được dát vàng, tạo nên vẻ uy nghi, rực rỡ.

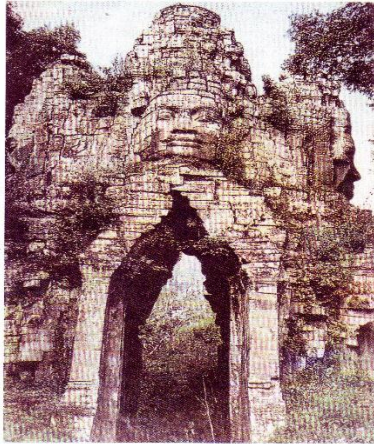
- Thạt Luồng : trung tâm tháp là khối lớn vươn cao, xung quanh là các tháp nhỏ, toàn bộ khối trung tâm đều được dát vàng.



Cam-pu-chia : Nghệ thuật kiến trúc Ăng-co Vát



Kiến trúc Ăng-co Thom (giữa thế kỉ XIII) : thuộc loại kiến trúc “đền núi”, kết hợp giữa nghệ thuật kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc.



Cổng Thống kê, Ăng-co Thom (Cam-pu-chia)

Tổng quan về kiến trúc, điêu khắc, hội họa, đồ họa một số nước Châu Á

TRƯỜNG THCS TRẦN VĂN QUANG

TỔ: CÔNG NGHỆ - VTM

MÔN THỂ DỤC LỚP 9 - TUẦN 12

**Chủ Đề: Chạy Ngắn – Bài Tập Bổ Trợ : Nhảy Dây Đơn
Chạy Bền Thể Lực.**

I. Mục tiêu

1. Về phẩm chất:

Bài học góp phần bồi dưỡng tinh thần trách nhiệm, cụ thể đã khơi dậy ở HS:

- Tự giác, tích cực trong hoạt động tập thể.
- Luôn cố gắng vươn lên để đạt kết quả tốt trong học tập.
- Đoàn kết và giúp đỡ bạn trong học tập.

2. Về năng lực:

Bài học góp phần hình thành, phát triển cho HS các năng lực sau đây:

2.1. Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS chủ động thực hiện việc sưu tầm tranh, ảnh phục vụ bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS biết sử dụng thuật ngữ, kết hợp với hình ảnh để trình bày thông tin về các kỹ thuật, kỹ năng Chạy cự li ngắn, Chạy bền;

2.2. Năng lực đặc thù:

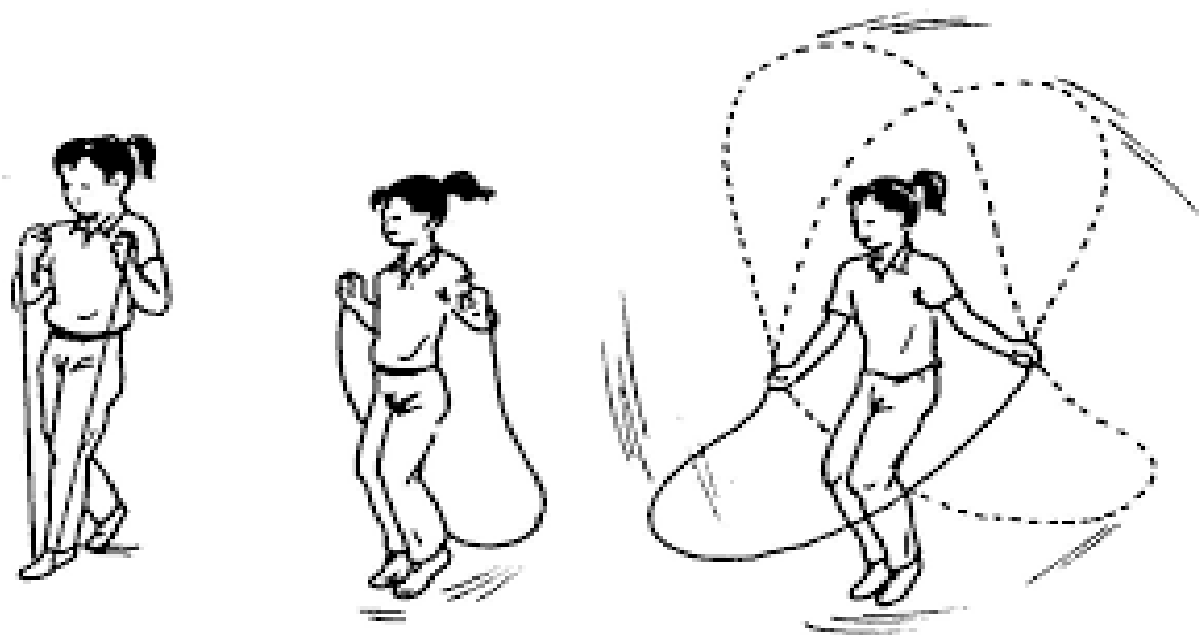
- Nhận biết và thực hiện được các kỹ thuật, kỹ năng Chạy cự li ngắn, Chạy bền.
- Biết quan sát tranh ảnh.
- Vận dụng được trong các giờ học Thể dục và tự tập hàng ngày.

II. Bài Thực Hành.

1. Ôn Động tác bổ trợ đã học ở lớp 8

- Chạy bước nhỏ
- Chạy nâng cao đùi
- Chạy gót chạm hông
- Chạy đá chân ra trước.

2. Bài Tập Bổ Trợ Nhảy Dây Đơn



3. Bài Thể Lực Chạy Tại Chỗ

Yêu cầu chạy tại chỗ tùy sức : từ 30 giây đến 60 giây hoặc 90 giây. Làm lại từ 2 đến 3 lần sau khi nghỉ ngơi 3 đến 5 phút.